

Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN KRÔNG BÚK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính						
				Xã Cư Né	Xã Chư KBô	Xã Cư Pong	Xã Ea Sin	Xã Pong Drang	Xã Tân Lập	Xã Ea Ngai
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	136,57	42,55	33,54	20,96	2,98	18,79	15,51	2,25
	<i>Trong đó</i>									
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,33			0,38	0,95			
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	0,38			0,38				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	9,31	6,10	0,61	0,34	0,41	0,41	1,44	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	119,33	29,85	32,93	20,24	1,62	18,38	14,07	2,25
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	6,60	6,60						
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>								
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,28	0,28						
	<i>Trong đó:</i>									
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)	0,28	0,28						
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,06					0,06		

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở